

# HƯỚNG DẪN GIẢI THÍCH CELLA FLORIDA

## Thông tin Khái quát về CELLA

Florida sử dụng Bài Kiểm Tra Đánh Giá Chất Lượng Học Tập Anh Ngữ Toàn Diện (CELLA) để đánh giá tiến độ của những học sinh đang học Anh ngữ (ELL) với mục tiêu thông thạo tiếng Anh. Để có thêm thông tin về CELLA bạn có thể xem lại Tờ Rơi Thông Tin về CELLA Florida 2009 được địa phận trường học khu vực của bạn cung cấp hoặc bằng cách ghé thăm trang web của CELLA Florida tại <http://www.fldoe.org/aala/cella.asp>.

## BÁO CÁO TIẾN ĐỘ CỦA HỌC VIÊN ANH NGỮ

Theo Đạo Luật Không Đưa Trẻ Nào Bị Bỏ Lại (NCLB) của liên bang năm 2001, Ủy ban Giáo dục của Florida (FDOE) được pháp luật yêu cầu phải xác định những địa phận trường học khu vực nào không đạt được chỉ tiêu đối với những học sinh được phân loại là ELL. Những yêu cầu về trách nhiệm giải trình này được gọi là Mục Tiêu Thành Tựu Có Thể Đo Hàng Năm (AMAO).

Các tiểu bang được yêu cầu phải báo cáo thành tựu của ba AMAO: (1) tiến độ nhắm đến việc thông thạo Anh ngữ, (2) thông thạo Anh ngữ, và (3) tiến độ phù hợp hàng năm trong khả năng toán học và đọc văn bản hàn lâm của các ELL. Phải đặt ra các chỉ tiêu hàng năm cho mỗi mục tiêu đó. Các địa phận không đáp ứng được chỉ tiêu của ba AMAO trên phải thông báo cho cha mẹ của tất cả các ELL về hiệu suất của địa phận đó. Thông báo này phải được cung cấp bằng một ngôn ngữ mà các bậc cha mẹ hiểu được, trừ khi rõ ràng không thể thực hiện được.

Kể từ năm 2002-03, FDOE đã báo cáo về thành tựu của mục đích thứ ba thông qua Thẻ Báo Cáo của Trường Học Florida do địa phận trường học khu vực phân phát. Hầu hết các địa phận phục vụ các ELL đều không đạt được mục đích số ba (3). Thông tin về mỗi địa phận nằm ở trang web của CELLA Florida (<http://www.fldoe.org/aala/cella.asp>).

Florida cũng kiểm tra kiến thức học được của tất cả các nhóm học sinh để bảo đảm rằng kể cả những học sinh có thành tích thấp nhất (thấp nhất 25%) cũng đang tiến bộ. Trong ba năm qua, các ELL đã học được kiến thức nhiều nhất trong bất kỳ chi nhóm nào khác:

- Trong năm 2006, 70% kiến thức học được so với 67% của những học viên không phải ELL.
- Trong năm 2007, 65% kiến thức học được so với 62% của những học viên không phải ELL.
- Trong năm 2008, 66% kiến thức học được so với 63% của những học viên không phải ELL.

Trước khi sử dụng CELLA, các ELL của Florida đã được đánh giá chất lượng bằng các bài kiểm tra khác ở các địa phận trường học khác nhau. FDOE đã không thể kết hợp kết quả kiểm tra, đặt ra chỉ tiêu thành tựu, hoặc đánh giá tiến độ của các địa phận trường học trong việc giúp học sinh thông thạo tiếng Anh một cách có ý nghĩa.

Tháng 9 năm 2008, FDOE đã sử dụng điểm cắt CELLA, được Hội Đồng Giáo Dục Tiểu Bang chấp thuận vào tháng 4 năm 2008, để đặt ra mục tiêu và xác định xem các địa phận trường học có đạt được AMAO số một (1) và số hai (2) trong năm 2006-07 và 2007-08 không. Kết quả của mỗi địa phận trường học đã được báo cáo và các địa phận trường học đã buộc phải thông báo cho các bậc cha mẹ của tất cả các ELL biết về hiệu suất của địa phận đó. Kết quả đã được đăng trên trang web CELLA của Florida vào tháng 9 năm 2008. Để xem xét quả theo địa phận, xin hãy đến trang web CELLA của Florida tại <http://www.fldoe.org/aala/cella.asp>.

# BÁO CÁO ĐIỂM HỌC SINH CELLA 2009

Mỗi học sinh làm bài CELLA sẽ nhận một bản báo cáo điểm của học sinh có chứa thông tin về hiệu suất của mình trong bài kiểm tra. Có ba loại thông tin nằm trong Báo Cáo Học Sinh.

- Thông Tin Cá Nhân Học Sinh
- Điểm cho mỗi lĩnh vực kỹ năng
  - Điểm tối đa
  - Điểm đạt được
  - Điểm tỉ lệ
- Điểm bộ phận cho mỗi lĩnh vực kỹ năng
  - Điểm tối đa
  - Điểm đạt được

Dưới đây là một mẫu báo cáo học viên. Có các ký hiệu bằng ký tự (A, B, C, D và E) trên báo cáo tương ứng với một mô tả chi tiết về thông tin được cung cấp trong bản báo cáo.

Florida Comprehensive English Language Learning Assessment

**Student Report**

  

**A** Student: XXXXXX XXXXXX  
 Student ID#: 0333333333  
 Date of Birth: 01/18/1999  
 Home Language: Spanish  
 Grade: 04  
 School: XXXX XXXXXXXXXX AAAAAAAAAA BBBB  
 District: AAAAAAAAAA  
 State: Florida  
 Test Date: Jan 01, 2009

**C**

Skill Areas	Points Possible	Points Achieved	Scale Score*
Listening	22	11	690**
Speaking	24	24	
Reading	30	11	664
Writing	39	15	663
<b>Total Score</b>	<b>115</b>	<b>61</b>	<b>2025</b>

  

**B** Test Levels / Form Taken:  
 Listening/Speaking: B2  
 Reading/Writing: B2

**D**

CELLA Scale Score Ranges				
	Beginning	Low Intermediate	High Intermediate	Proficient
Listening/Speaking	30-54**	55-81**	82-110	111-205
Reading	30-54**	55-77**	78-103	104-210
Writing	37-54**	55-102	103-128	129-225

  

**E**

Listening/Speaking Sub-Scores	Points Possible	Points Achieved
Listening - Short-Talk <small>This score measures the student's ability to understand a single sentence or short dialogue.</small>	8	5
Listening - Comprehension - Short-Talk <small>This score measures the student's ability to understand short listening passages.</small>	8	5
Listening - Comprehension - Extended Speech <small>This score measures the student's ability to understand extended listening passages, including passages that present extended information.</small>	6	1
Speaking - Vocabulary <small>This score measures the student's knowledge of oral vocabulary.</small>	6	6
Speaking - Asking Questions <small>This score measures the student's ability to ask questions to clarify and appropriate.</small>	8	8
Speaking - Extended Speech <small>This score measures the student's ability to express an opinion, make a story, and use ideas to describe a scene or graph.</small>	10	10

**E**

Reading/Writing Sub-Scores	Points Possible	Points Achieved
Reading - Vocabulary <small>This score measures the student's ability to read and understand vocabulary words.</small>	9	5
Reading - Comprehension <small>This score measures the student's ability to understand reading passages, including passages that present extended information.</small>	17	4
Writing - Grammar <small>This score measures the student's ability to use vocabulary related to English grammar correctly in sentences, and short dialogues.</small>	9	4
Writing - Sentences <small>This score measures the student's ability to write sentences that are well-constructed.</small>	12	7
Writing - Paragraphs <small>This score measures the student's ability to write paragraphs.</small>	12	3
Writing - Editing <small>This score measures the student's ability to identify errors in grammar mechanics, and use changes.</small>	6	1

## A Thông Tin Cá Nhân Học Sinh

Phần này (góc trên bên trái của bản báo cáo) bao gồm thông tin học sinh và cho thấy tên của học sinh, số chứng minh của học sinh, ngày sinh, tiếng bản xứ và cấp lớp. Thông tin thêm trong khu vực này còn có tên trường, địa phận và tiểu bang, và ngày tháng tiến hành kiểm tra.

## B Cấp Độ Kiểm Tra/Hình Thức Kiểm Tra

Phần này (nằm bên dưới thông tin cá nhân học sinh) xác định cấp độ bài kiểm tra mà học sinh làm. Nếu có ba dấu hoa thị (\*\*\*) cạnh bài kiểm tra mà học sinh làm, thì cấp độ bài kiểm tra không phù hợp với cấp lớp của học sinh.

Học sinh phải làm bài Nghe và Nói có cấp độ phù hợp với cấp lớp của mình. Ví dụ học sinh lớp 3 phải làm bài Nghe và Nói Cấp Độ B. Bài Đọc và Viết có thể làm ở cấp lớp hoặc thấp hơn nếu việc đó sẽ đem lại thông tin tốt hơn về kỹ năng văn chương của chúng. Ví dụ tất cả học sinh lớp 10 sẽ làm phần Nghe và Nói ở Cấp Độ D, nhưng học sinh lớp 10 nào kỹ năng Đọc và Viết ở cấp độ cơ bản hơn có thể làm phần Đọc và Viết ở Cấp Độ C, Cấp Độ B hoặc Cấp Độ A. Nếu một học sinh làm bài Nghe và Nói hoặc Đọc và Viết ở cấp độ không phù hợp thì dấu hoa thị (\*\*\*) sẽ được ghi chú vào.

## **C** **Điểm Số Lĩnh Vực Kỹ Năng**

Phần này (góc trên bên phải của bản báo cáo) tóm tắt hiệu suất tổng cộng của học sinh trong bài CELLA. Có một Điểm Tổng Cộng, cũng như điểm Nghe, Nói, Đọc và Viết của học sinh.

Bảng này có ba cột điểm: **Điểm Tối Đa**, **Điểm Đạt Được** và **Điểm Tỷ Lệ**. **Điểm Tối Đa** cho biết học sinh có thể nhận được bao nhiêu điểm thô nếu trả lời đúng mọi câu hỏi. **Điểm Đạt Được** cho biết học sinh đã đạt được bao nhiêu điểm thô khi làm bài kiểm tra. Vì **Điểm Tối Đa** và **Điểm Đạt Được** được trình bày theo thang điểm thô nên những điểm số này không nên dùng so sánh với những học sinh làm bài ở cấp độ hoặc hình thức kiểm tra khác.

Bản báo cáo CELLA còn cung cấp Điểm Tỷ Lệ. **Điểm Tỷ Lệ giúp** có thể so sánh hiệu suất của học sinh giữa các cấp độ hoặc hình thức kiểm tra khác nhau. Điểm tỷ lệ trong một lĩnh vực kỹ năng nhất định có thể so sánh được giữa các cấp độ khác nhau. Cũng có thể so sánh điểm tỷ lệ của lĩnh vực kỹ năng đối với những học sinh đã làm những hình thức kiểm tra khác.

CELLA có bốn điểm tỷ lệ: Nghe/Nói, Đọc, Viết và Điểm Tổng Cộng. Lĩnh vực kỹ năng Nghe và Nói đã được kết hợp lại và được báo cáo bằng một điểm tỷ lệ duy nhất, còn Đọc và Viết mỗi cái có một điểm tỷ lệ độc lập.

Nếu có một **NT** (*Không Kiểm Tra*) trong bất kỳ ô nào thì đó là một dấu hiệu cho biết học sinh đã không làm đủ câu hỏi kiểm tra để có điểm kiểm tra hợp lệ. Để có thêm thông tin về lý do tại sao học sinh không nhận được điểm, hãy liên hệ giáo viên của học sinh đó.

Nếu có một **ET** (*Miễn Kiểm Tra*) trong bất kỳ ô nào thì đó là một dấu hiệu cho biết học sinh đã không thực hiện phần kiểm tra đó. Để có thêm thông tin về lý do tại sao học sinh không được kiểm tra, hãy liên hệ giáo viên của học sinh đó.

## **D** **Phạm vi Điểm**

Phần này (ô nằm bên dưới phần Lĩnh vực Kỹ Năng) cho thấy một ghi chú về phạm vi hiệu suất đối với điểm tỷ lệ của học sinh. CELLA đánh giá kỹ năng Anh ngữ của học sinh vào ngày kiểm tra. Nếu học sinh làm lại bài kiểm tra thì có thể có điểm cao hơn hoặc thấp hơn. Tốt nhất hãy coi điểm tỷ lệ của học sinh là đại diện cho phạm vi hiệu suất khả dĩ. Ví dụ, nếu một học sinh ghi được 691 điểm trong tỷ lệ Nghe/Nói thì điểm của học sinh đó vào lúc khác có thể là khoảng 673 đến 709.

### **Ghi chú cuối trang**

Bên bên ô Phạm Vi Điểm là nhiều ghi chú. Các ghi chú này là mô tả các dấu ghi chú cuối trang bên trong bản báo cáo. Trong phần này bạn sẽ thấy:

**NT** (*Không Kiểm Tra*) - Học sinh đã trả lời quá ít mục nên không thể nhận điểm hoặc học sinh đã không làm bài kiểm tra môn kiểm tra đó. Nếu **NT** xuất hiện trong bất kỳ ô điểm hoặc điểm bộ phận nào thì đó là một dấu hiệu cho biết học sinh đã trả lời quá ít mục nên không thể nhận điểm.

**ET** (*Miễn Kiểm Tra*) - Học sinh đã không được kiểm tra do được miễn kiểm tra đối với môn kiểm tra đó. Những học sinh Điếc và Khó Nghe là những học sinh duy nhất có thể được miễn một môn kiểm tra. Nếu **ET** xuất hiện trong bất kỳ ô điểm hoặc điểm bộ phận nào thì đó là một dấu hiệu cho biết học sinh đã được miễn kiểm tra môn kiểm tra đó.

**NS** (Không Có Điểm) - Bài kiểm tra không được chấm. Nếu **NS** xuất hiện trong bất kỳ ô điểm hoặc điểm bộ phận nào thì đó là một dấu hiệu cho thấy bài kiểm tra của học sinh đã không được chấm.

**\* Để có thêm thông tin về hiệu suất, xin hãy xem thông tin cung cấp ở mặt sau bản báo cáo.**

Ghi chú này ám chỉ điểm tỉ lệ báo cáo trong *Lĩnh Vực Kỹ Năng* và hướng dẫn người đọc ra mặt sau của bản báo cáo để có thêm thông tin về điểm tỉ lệ và ý nghĩa của chúng.

**\*\* Nghe và Nói có điểm chung.**

Ghi chú này thông báo cho người đọc biết có một điểm tỉ lệ chung cho bài kiểm tra Nghe và Nói.

**\*\*\*** và **NA** (Kiểm Tra không phù hợp) - Cấp độ kiểm tra không phù hợp với cấp lớp của học sinh.

Nếu ba dấu hoa thị (**\*\*\***) hiện ra cạnh cấp độ kiểm tra của học sinh, như Nghe/Nói: D2\*\*\* thì đó là một dấu hiệu cho thấy bài kiểm tra không phù hợp với cấp lớp của học sinh. Một ký hiệu **NA** sẽ xuất hiện trong ô điểm và điểm bộ phận tương ứng trên bản báo cáo của học sinh.

## **E Các điểm CELLA khác**

Ở dưới cùng Báo Cáo Điểm Học Sinh CELLA có các điểm khác, gọi là điểm bộ phận. Điểm bộ phận dành cho Nghe/Nói và Đọc/Nói. Các điểm bộ phận này cho biết thêm thông tin về điểm mạnh và điểm yếu của học sinh. Tên của điểm bộ phận đi cùng với một giải thích vắn tắt là nó đánh giá cái gì.

Điểm bộ phận là số điểm đạt được, còn gọi là điểm thô. Chúng không phải điểm tỉ lệ. Vì lý do đó, điểm bộ phận của học sinh làm bài kiểm tra cấp độ hoặc hình thức khác nhau không nên so sánh với nhau.

Với những học sinh làm Cấp Độ A hoặc Cấp Độ B, số điểm tối đa của điểm bộ phận trong một lĩnh vực kỹ năng có thể không cộng lại đến tổng số điểm tối đa của toàn bộ lĩnh vực kỹ năng đó. Đó là vì có một số mục kiểm tra được kèm vào trong điểm tổng cộng nhưng không kèm vào trong điểm bộ phận.

## **Ý NGHĨA CỦA ĐIỂM TỈ LỆ CELLA**

Để hiểu một điểm tỉ lệ có nghĩa gì, thì tốt hơn là biết thêm về tỉ lệ được sử dụng kèm theo cả phạm vi tỉ lệ.

Phạm vi tỉ lệ CELLA - từ điểm tối đa thấp nhất đến điểm tối đa cao nhất - được ghi bên dưới đối với mỗi lĩnh vực kiểm tra.

<b>Điểm tỉ lệ</b>	<b>Điểm Tối Đa Thấp Nhất</b>	<b>Điểm Tối Đa Cao Nhất</b>
Nghe/Nói	495	835
Đọc	345	820
Viết	515	850
Điểm Tổng Cộng	1,355	2,505

### **Mặt Sau Bản Báo Cáo Điểm Học Sinh**

Phần mô tả về cấp độ thông thạo Anh ngữ được cung cấp để giúp giải thích ý nghĩa điểm tỉ lệ của CELLA. Các mô tả này giải thích việc các học sinh ghi được một số điểm nhất định biết được gì và có thể làm gì bằng tiếng Anh. Phần mô tả bên dưới cho biết ý nghĩa của điểm số.

This report is translated to Florida's 10 most common languages and can be found at <http://www.fldoe.org/aala/cella.asp>.

**HOW TO INTERPRET YOUR SCORES:**

Use the total scale score you earned for each skill area and match it to the closest scale score by grade cluster provided below to determine the typical English language proficiency for a student receiving the same score. The proficiency level descriptors are provided to explain what the CELLA scores mean. These descriptions explain what students who earn certain scores know and are able to do in English. For listening and speaking skills, use the grade level scale score range that indicates the actual grade level you are enrolled in, and for reading and writing skills, use the grade level of the test that you took.

**COMO INTERPRETAR TU PUNTUACION:**

Usa la puntuación total que lograste para cada área de destreza y compárala con la puntuación de escala más cercana por grupo de grado que se provee abajo para determinar el nivel de proficiencia en el idioma inglés típico para un estudiante que recibió la misma puntuación. Las descripciones por nivel de proficiencia en inglés se proveen para explicar el significado de la escala de puntaje de CELLA. Estas descripciones explican lo que saben los estudiantes que obtienen ciertos puntajes y lo que son capaces de hacer en inglés. Para las destrezas de escuchar y discurso, usa el nivel de grado en el cual indicas tu grado actual y para las destrezas de lectura y escritura usa el nivel de grado del examen que se te administró.

	SCALE SCORE RANGES				PROFICIENCY LEVEL DESCRIPTORS
	K-2	3-6	6-8	9-12	
Beginning	495-632	560-675	565-680	580-681	Beginning - speaks and understands spoken English that is below grade level.
Low Intermediate	633-649	676-697	681-712	682-713	Low Intermediate - speaks in English and understands spoken English that is at or below grade level.
High Intermediate	650-672	698-719	713-732	714-738	High Intermediate students, with minimal support, speak in English and understand spoken English that is at grade level.
Proficient	673-755	720-805	733-830	739-835	Proficient students speak in English and understand spoken English at grade level in a manner similar to non-ELLs.

	SCALE SCORE RANGES				PROFICIENCY LEVEL DESCRIPTORS
	K-2	3-6	6-8	9-12	
Beginning	345-545	590-689	600-713	605-743	Beginning - reads below grade level text.
Low Intermediate	546-628	690-714	714-741	744-761	Low Intermediate - reads at or below grade level text.
High Intermediate	629-689	715-733	742-758	762-777	High Intermediate - reads at grade level text with minimal support.
Proficient	690-900	734-810	759-815	778-820	Proficient - reads at grade level text in a manner similar to non-ELLs.

	SCALE SCORE RANGES				PROFICIENCY LEVEL DESCRIPTORS
	K-2	3-6	6-8	9-12	
Beginning	515-636	575-674	580-687	600-689	Beginning - writes below grade level and requires continuous support.
Low Intermediate	637-657	675-702	688-719	690-720	Low Intermediate - writes at or below grade level and require some support.
High Intermediate	658-689	703-726	720-745	721-745	High Intermediate - writes at grade level with minimal support.
Proficient	690-775	727-825	746-845	746-850	Proficient - writes at grade level in a manner similar to non-ELLs.

	PUNTAJACION DE ESCALA				DESCRIPCIONES DE NIVEL DE PROFICIENCIA
	K-2	3-6	6-8	9-12	
Básico	495-632	560-675	565-680	580-681	Nivel básico - hablan inglés y entienden el inglés hablado a un nivel inferior a su grado.
Intermedio Bajo	633-649	676-697	681-712	682-713	Nivel intermedio bajo - hablan inglés y entienden el inglés hablado a nivel de grado o inferior.
Intermedio Alto	650-672	698-719	713-732	714-738	Nivel intermedio alto - con asistencia mínima hablan en inglés y entienden el inglés hablado a nivel de grado.
Proficiente	673-755	720-805	733-830	739-835	Proficiente - dominio completo del idioma inglés hablan y entienden el inglés hablado a nivel de grado de una manera similar a los de habla inglesa.

	PUNTAJACION DE ESCALA				DESCRIPCIONES DE NIVEL DE PROFICIENCIA
	K-2	3-6	6-8	9-12	
Básico	345-545	590-689	600-713	605-743	Nivel básico - leen a un nivel inferior a su grado.
Intermedio Bajo	546-628	690-714	714-741	744-761	Nivel intermedio bajo - leen a nivel de grado o inferior.
Intermedio Alto	629-689	715-733	742-758	762-777	Nivel intermedio alto - leen a nivel de grado con asistencia mínima.
Proficiente	690-900	734-810	759-815	778-820	Proficiente - dominio completo del idioma inglés leen a nivel de grado de una manera similar a nativos del idioma inglés.

	PUNTAJACION DE ESCALA				DESCRIPCIONES DE NIVEL DE PROFICIENCIA
	K-2	3-6	6-8	9-12	
Básico	515-636	575-674	580-687	600-689	Nivel básico - escriben a un nivel inferior a su grado.
Intermedio Bajo	637-657	675-702	688-719	690-720	Nivel intermedio bajo - escriben a nivel de grado o inferior.
Intermedio Alto	658-689	703-726	720-745	721-745	Nivel intermedio alto - escriben a nivel de grado con asistencia mínima.
Proficiente	690-775	727-825	746-845	746-850	Proficiente - dominio completo del idioma inglés escriben a nivel de grado similar a nativos del idioma inglés.

**F** Để hiểu rõ hơn ý nghĩa của một điểm số, hãy làm theo các bước đơn giản sau.

1. Trước tiên hãy tìm điểm tỉ lệ của học sinh. Nó được đặt trên cùng bên phải của bản báo cáo. (Xem **C** ở mặt trước của Báo Cáo Điểm Học Sinh)
2. Rồi tìm điểm tỉ lệ theo cấp lớp gần nhất với điểm của học sinh. (Cái này sẽ nằm ở trang bìa sau của báo cáo, xem **F** ở trên.)
3. Kế tiếp hãy đọc phần mô tả của mức độ thông thạo tương ứng với điểm tỉ lệ để xác định mức độ thông thạo tiếng Anh điển hình đối với một học sinh nhận được điểm số đó.

**G** **Bản Mô Tả Mức Độ Thông Thạo**

Điểm tỉ lệ và **Bản Mô Tả Mức Độ Thông Thạo** được cung cấp ở mặt sau của báo cáo học sinh. Những câu này mô tả những điều học sinh biết và có thể làm bằng mỗi lĩnh vực ngôn ngữ và mỗi mức độ thông thạo ngôn ngữ.

PHẠM VI ĐIỂM TỈ LỆ NGHE/NÓI					
	K - 2	3 - 5	6 - 8	9 - 12	MÔ TẢ CẤP ĐỘ THÔNG THẠO
Bắt đầu	495-632	560-675	565-680	580-681	Bắt đầu - nói và hiểu tiếng Anh nói thấp hơn cấp lớp
Thấp Trung cấp	633-649	676-697	681-712	682-713	Sơ trung - nói tiếng Anh và hiểu tiếng Anh nói ngang hoặc thấp hơn cấp lớp
Cao Trung cấp	650-672	698-719	713-732	714-738	Cao trung - chỉ cần hỗ trợ tối thiểu vẫn nói tiếng Anh và hiểu tiếng Anh nói ở cấp lớp của mình.
Thông thạo	673-755	720-805	733-830	739-835	Thông thạo - nói tiếng Anh và hiểu tiếng Anh ở cấp lớp của mình theo cách tương tự như những học sinh không phải ELL.
PHẠM VI ĐIỂM TỈ LỆ ĐỌC					

	<b>K - 2</b>	<b>3 - 5</b>	<b>6 - 8</b>	<b>9 - 12</b>	<b>MÔ TẢ CẤP ĐỘ THÔNG THẠO</b>
Bắt đầu	345-545	590-689	600-713	605-743	Bắt đầu - đọc văn bản thấp hơn cấp lớp.
Thấp Trung cấp	546-628	690-714	714-741	744-761	Sơ trung - đọc văn bản ngang hoặc thấp hơn cấp lớp.
Cao Trung cấp	629-689	715-733	742-758	762-777	Cao trung - đọc văn bản ngang cấp lớp của mình mà chỉ cần hỗ trợ tối thiểu.
Thông thạo	690-800	734-810	759-815	778-820	Thông thạo - đọc văn bản ngang cấp lớp tương tự như các học sinh không phải ELL.
<b>PHẠM VI ĐIỂM TỈ LỆ VIẾT</b>					
	<b>K - 2</b>	<b>3 - 5</b>	<b>6 - 8</b>	<b>9 - 12</b>	<b>MÔ TẢ CẤP ĐỘ THÔNG THẠO</b>
Bắt đầu	515-636	575-674	580-687	600-689	Bắt đầu - viết thấp hơn cấp lớp của mình và cần được hỗ trợ liên tục.
Thấp Trung cấp	637-657	675-702	688-719	690-720	Sơ trung - viết ngang hoặc thấp hơn cấp lớp và cần hỗ trợ một ít.
Cao Trung cấp	658-689	703-726	720-745	721-745	Cao trung - viết ngang cấp lớp của mình mà chỉ cần hỗ trợ tối thiểu.
Thông thạo	690-775	727-825	746-845	746-850	Thông thạo - viết văn bản ngang cấp lớp tương tự như các học sinh không phải ELL.